

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày: 11/4/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;

2. Ông Đặng Hữu Thiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 639/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Trần Cẩm V, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 7/566 đường Bùi Thị X, phường Thủy B, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Trọng P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 7/566 đường Bùi Thị X, phường Thủy B, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/7/2017, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị là Lê Trần Cẩm V trình bày:

Chị và anh Hoàng Trọng P tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 30/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng chị không hiểu và cảm thông cho nhau; anh P không chịu khó làm ăn, suốt ngày rượu bia không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường hay gây gỗ, cãi vã nhau; trong cuộc sống gia đình mọi trách nhiệm đều do chị gánh vác nên chị rất mệt mỏi. Chị và gia đình nhiều

lần nhắc nhở nhưng anh Phúc không khắc phục; tình trạng mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng; chị đã sống ly thân anh Từ tháng 8/2017 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau nữa, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phúc.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con gái chung tên là Hoàng Thanh T, sinh ngày 21-3-2016. Chị có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu T đến khi thành niên, không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị V trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Trọng P trong quá trình tố tụng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập nhiều lần nhưng anh P cố tình trốn tránh, vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Ngày 30/3/2018, Tòa án tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án nhưng anh P vắng mặt nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần thứ 2 được tổng đạt hợp lệ cho anh P, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Vợ chồng chị V, anh P kết hôn hợp pháp, đã có một con chung là cháu Hoàng Thanh T dưới 36 tháng tuổi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử cho chị V được ly hôn; giao con chung là cháu Hoàng Thanh T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; chị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Trọng P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng. Vì vậy, Hội đồng xét

xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Trần Cẩm V và anh Hoàng Trọng P tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Thủy Biều, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 30/8/2015. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị V là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị V, thấy rằng:

Quá trình hôn nhân của chị V và anh P đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài mà nguyên nhân là do giữa hai bên bất đồng về quan điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống, anh P không tu chí làm ăn, không chia sẻ trách nhiệm nuôi dạy con và chăm lo gia đình cùng vợ. Là một người phụ nữ, chị V mong muốn được chồng trân trọng, yêu thương và cùng nhau san sẻ về nhiều vấn đề trong cuộc sống, nhưng thực tế hôn nhân của chị đã không đạt được điều đó. Hiện tại, tình cảm chị V dành cho anh P không còn, hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Ngoài ra, theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập trong quá trình tố tụng, có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh P không chịu lao động mà thường xuyên uống rượu bia, không chăm lo cho vợ con, không thể hiện nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau trong gia đình, là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chị V cùng gia đình và đại diện Tổ dân phố tại nơi cư trú đã nhiều lần động viên, góp ý nhưng không khắc phục; Tòa án nhiều lần thông báo tham gia hòa giải nhưng cũng bỏ mặc không tham gia. . Chứng tỏ, anh P không có thiện chí hàn gắn, có lỗi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Do vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị V được ly hôn theo yêu cầu và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị V, anh P có một con chung là cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 21/3/2016.

Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Xét cháu T là nữ, dưới 36 tháng tuổi, trong khi anh P không thể hiện trách nhiệm chăm lo cho con. Vì vậy, để bảo đảm cho cháu T ổn định cuộc sống và quyền lợi mọi mặt, cần giao cháu T cho chị V trực tiếp nuôi đến khi thành niên như yêu cầu của chị V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng chị V tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Tài sản và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị V không có yêu cầu giải quyết, anh P không tham gia tố tụng, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn –chị Lê Trần Cẩm V

Xử: chị Lê Trần Cẩm V được ly hôn với anh Hoàng Trọng P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 21/3/2016 cho chị Lê Trần Cẩm V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Trần Cẩm V chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2013/004422 ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; chị V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- UBND phường Thủy Biều;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mộng Trinh